

Số: 83/TTr-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) tại Phiên họp thứ 55 ngày 02/3/2026<sup>1</sup>, Chính phủ kính trình Quốc hội dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT****1. Cơ sở chính trị, pháp lý****1.1. Cơ sở chính trị**

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 là: “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân...; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân”. Bên cạnh đó, các chủ trương, đường lối của Đảng về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy trong thời gian qua có tác động trực tiếp đến mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định nhiệm vụ: “Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích

<sup>1</sup> Theo Thông báo số 371/TB-VPQH ngày 04/3/2026 của Văn phòng Quốc hội về Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý, Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) (tại Phiên họp thứ 55 ngày 02/3/2026).

quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu: “Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số... Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới”. Bên cạnh đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng có nhiều văn bản chỉ đạo về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật: “...phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được... Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tổ tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân yêu cầu: “công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin tới doanh nghiệp”, “hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp”.

- Ngày 26/10/2025, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 53-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ, trong đó yêu cầu “Hoàn thiện pháp luật về tư pháp, khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, đất đai, quy hoạch, môi trường, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính công, **bảo đảm quyền tiếp cận thông tin**...; trách nhiệm giải trình của các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động công vụ”. Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân góp phần quan trọng vào công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước.

## 1.2. Cơ sở pháp lý

- Quyền tiếp cận thông tin (hay quyền tự do thông tin) là quyền con người được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền tiếp cận thông tin, việc thực hiện quyền này do pháp luật quy định (Điều 25). Trên cơ sở đó, ngày 06/4/2016, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018). Luật này áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân (theo Điều 16 của Luật).

- Ngày 16/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 203/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 72/2025/QH15), tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, các quy định về trách nhiệm của các cơ quan cung cấp thông tin trong Luật Tiếp cận thông tin cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với mô hình tổ chức sau sắp xếp và đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

- Trong thời gian qua, một số luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới có liên quan đến tiếp cận thông tin, cung cấp thông tin/dữ liệu của các cơ quan, đơn vị. Ví dụ: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương cấp xã phải công khai các nội dung tại Điều 11 của Luật này. Luật Lưu trữ năm 2024 quy định về tiếp cận thông tin trong tài liệu lưu trữ; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin trong tài liệu lưu trữ (Điều 25, Điều 26). Luật Dữ liệu năm 2024 quy định dữ liệu được công khai, công khai có điều kiện, không được công khai phải căn cứ vào thông tin được dữ liệu phản ánh theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin (khoản 2 Điều 21), đồng thời có các quy định về dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung... Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đặt ra những yêu cầu chặt chẽ về bảo vệ dữ liệu cá nhân; những trường hợp công khai dữ liệu cá nhân; cung cấp dữ liệu cá nhân; sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân... Theo đó, cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tiếp cận thông tin để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan.

- Ngày 26/9/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 về Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI (tháng 4/2026).

- Ngày 24/10/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2352/QĐ-TTCP phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi).

- Ngày 29/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 419/NQ-CP về chính sách của Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi), thông qua 05 chính sách của Luật.

- Ngày 12/02/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP thông qua dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi).

## **2. Cơ sở thực tiễn**

2.1. Sau gần 08 năm thi hành Luật, các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương đã quan tâm, chú trọng tổ chức triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Việc công khai thông tin được thực hiện thường xuyên, đáp ứng cơ bản nhu cầu thông tin của người dân, doanh nghiệp. Công tác cung cấp thông tin theo yêu cầu từng bước đi vào nề nếp. Tuy nhiên, qua tổng kết cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thi hành Luật còn gặp một số hạn chế, khó khăn. Cụ thể:

- Về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin: Luật Tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước. Đến nay, sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, một số quy định về cơ quan nhà nước trong Luật không còn phù hợp (ví dụ các quy định về cơ quan ở cấp huyện); chưa có quy định về cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin do các cơ quan nhà nước ở cấp huyện trước đây tạo ra. Qua tổng kết thi hành Luật cho thấy, việc quy định phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp bao gồm thông tin do UBND cấp xã nhận được là quá rộng. Mặt khác, để đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, cần nghiên cứu mở rộng từng bước và hợp lý các tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin tại Luật này.

- Về phạm vi thông tin được tiếp cận, không được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện: Luật Tiếp cận thông tin quy định thông tin công dân được tiếp cận, thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện. Tuy nhiên, trong thực tế thực hiện, các cơ quan còn lúng túng hoặc có cách hiểu và vận dụng chưa thống nhất một số quy định của Luật, ví dụ như việc xác định “thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác” (khoản 2 Điều 6).

- Về công khai thông tin: Trong thời gian qua, cùng với quá trình thực hiện cải cách hành chính, hoạt động công khai thông tin của các cơ quan nhà nước được đẩy mạnh. Tuy nhiên, việc lập, cập nhật Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 chưa được thực hiện thường xuyên, đầy đủ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công khai thông tin tại một số địa bàn còn hạn chế.

- Về cung cấp thông tin theo yêu cầu: Hình thức, trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu vẫn còn phức tạp, chưa đáp ứng yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng công nghệ số và xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền số. Có trường hợp người dân yêu cầu cung cấp thông tin đơn giản nhưng trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu còn rườm rà. Ngoài ra, với sự phát triển của khoa học và công nghệ thì cách thức cung cấp thông tin cũng cần thay đổi theo hướng đa dạng, nhanh chóng và thuận lợi hơn cho người dân.

- Về các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin: Luật Tiếp cận thông tin quy định các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin như bố trí cán bộ đầu mối cung cấp thông tin, cơ sở vật chất, số hóa tài liệu..., tuy nhiên, quá trình thực hiện còn gặp khó khăn, nhất là tại địa phương, vùng kinh tế - xã hội khó khăn. Việc phân loại, lưu trữ và cập nhật thông tin chưa thực sự khoa học, dẫn đến việc tra cứu, cung cấp thông tin đôi khi còn chậm. Việc đầu tư cơ sở vật chất cho công tác tiếp cận thông tin tuy đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu; thiếu trang thiết bị phục vụ cung cấp thông tin cho các đối tượng đặc thù (như người khuyết tật). Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tiếp cận thông tin để bảo đảm tính khả thi, đồng thời giao Chính phủ quy định cụ thể các biện pháp để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

2.2. Về kinh nghiệm nước ngoài: Quyền tự do thông tin (hay quyền tiếp cận thông tin) là quyền cơ bản được pháp luật các quốc gia ghi nhận và bảo vệ. Đây không phải là quyền tuyệt đối (pháp luật các nước có quy định những trường hợp ngoại lệ thông tin không được tiếp cận). Trong thời đại công nghệ số, chuyên đổi số, pháp luật về tiếp cận thông tin trên thế giới cũng có những điều chỉnh để thích ứng với sự thay đổi của các hình thức thông tin, dữ liệu, phương thức cung cấp thông tin; tăng cường nghĩa vụ chủ động công khai thông tin của các cơ quan nhà nước, đồng thời có các chính sách, biện pháp để vừa bảo đảm quyền tiếp cận thông tin vừa ứng phó với các thách thức liên quan đến bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân, an ninh mạng...

Những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên đặt ra yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung toàn diện quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy dân chủ, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong cung cấp thông tin cho người dân; đồng thời, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các luật, nghị quyết có liên quan và phù hợp với yêu cầu đổi mới tư duy, kỹ thuật lập pháp hiện nay.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

### **1. Mục đích ban hành Luật**

Việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) thay thế Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 nhằm: (1) Giải quyết các hạn chế, khó khăn, vướng mắc có nguyên nhân từ quy định của Luật đã được các cơ quan, bộ, ngành, địa phương phản ánh trong quá trình sơ kết, tổng kết việc thi hành Luật; (2) Sửa đổi, bổ sung toàn diện các quy định của Luật nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay và yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới, trong đó có việc mở rộng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin, mở rộng phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, đa dạng các hình thức cung cấp thông tin, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí.

### **2. Quan điểm xây dựng dự án Luật**

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; tăng cường trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí;

- Đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin ngày càng cao của công dân; đa dạng hóa hình thức cung cấp thông tin gắn với bối cảnh đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, công dân số và mô hình tổ chức của các cơ quan sau sắp xếp;

- Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt

Nam là thành viên; tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết có liên quan, nhất là các luật, nghị quyết mới được Quốc hội ban hành trong thời gian qua; đồng thời, đáp ứng yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng luật và kỹ thuật lập pháp hiện nay;

- Bảo đảm tính khả thi của Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam; nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp của pháp luật nước ngoài trong quá trình xây dựng dự án Luật.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Thực hiện Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan xây dựng dự án Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Tổ chức tổng kết việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; tổ chức xây dựng hồ sơ chính sách của Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi), trình Chính phủ xem xét thông qua 05 chính sách (Nghị quyết số 419/NQ-CP ngày 29/12/2025).

2. Tổ chức triển khai xây dựng hồ sơ dự án Luật; thành lập Tổ soạn thảo dự án Luật; tổ chức các cuộc họp Tổ soạn thảo, tọa đàm góp ý hồ sơ dự án Luật; đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và Cổng Pháp luật quốc gia; lấy ý kiến của các cơ quan, bộ, ngành, địa phương, chuyên gia, nhà khoa học và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về dự án Luật<sup>2</sup>.

3. Nghiên cứu tiếp thu và giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý và phản biện, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, gửi Bộ Tư pháp thẩm định (Báo cáo thẩm định số 41/BCTĐ-BTP ngày 05/02/2026); tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật để trình Chính phủ.

4. Ngày 12/02/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP thông qua dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) và giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình dự án Luật, trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI.

5. Ngày 02/3/2026, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật (tại Phiên họp thứ 55). Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI (tháng 4/2026).

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

- Phạm vi điều chỉnh: Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin

<sup>2</sup> Ngày 30/01/2026, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có Văn bản số 1736/MTTW-BBT về việc phản biện xã hội đối với dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi).

của công dân.

- Đối tượng áp dụng: Các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **2. Bố cục của dự thảo Luật**

Dự thảo Luật được kết cấu gồm 04 chương, 31 điều (giảm 01 chương, 06 điều so với Luật Tiếp cận thông tin năm 2016). Cụ thể:

- Chương I. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 6) quy định về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, áp dụng pháp luật về tiếp cận thông tin, các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm.

- Chương II. Quyền, nghĩa vụ của công dân, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin (từ Điều 7 đến Điều 13) quy định về người thực hiện quyền tiếp cận thông tin, quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin, phương thức tiếp cận thông tin, phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, khiếu nại, khởi kiện, tố cáo.

- Chương III. Công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu (từ Điều 14 đến Điều 28) quy định về phạm vi thông tin được tiếp cận (thông tin công dân được tiếp cận, thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện); công khai thông tin (gồm thông tin phải được công khai; hình thức, thời điểm công khai thông tin; việc xử lý thông tin công khai không chính xác); cung cấp thông tin theo yêu cầu (gồm thông tin được cung cấp theo yêu cầu; hình thức, trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin; chi phí tiếp cận thông tin; từ chối yêu cầu cung cấp thông tin; xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác).

- Chương IV. Điều khoản thi hành (từ Điều 29 đến Điều 31) quy định về điều khoản áp dụng, điều khoản chuyên tiếp và hiệu lực thi hành của Luật. Dự thảo Luật quy định Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

## **3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật**

Chính phủ đã thông qua 05 chính sách của Luật, bao gồm: (1) Chính sách 1 về mở rộng chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin đối với đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; (2) Chính sách 2 điều chỉnh phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp (UBND cấp xã chỉ cung cấp thông tin do mình tạo ra, không cung cấp đối với thông tin do mình nhận được); (3) Chính sách 3 về mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai; (4) Chính sách 4 về điều chỉnh phạm vi thông tin công dân không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện; (5) Chính sách 5 về đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã xây dựng dự thảo Luật với các nội dung cơ bản sau đây:

### **3.1. Những nội dung sửa đổi, bổ sung, lược bỏ**

a) Những nội dung sửa đổi

- Về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin:

+ Dự thảo Luật sửa đổi các quy định về tên và trách nhiệm của các cơ quan cho phù hợp với tên gọi và mô hình tổ chức sau sắp xếp (ví dụ như Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh).

+ Dự thảo Luật điều chỉnh phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp (Điều 10): UBND cấp xã chỉ cung cấp thông tin do mình tạo ra; *không cung cấp thông tin do mình nhận được* (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật). Việc điều chỉnh phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp nhằm bảo đảm phù hợp với nguyên tắc phân cấp, phân quyền, tăng cường trách nhiệm của cơ quan tạo ra thông tin. Hiện nay, khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, hàng nghìn nhiệm vụ của chính quyền cấp huyện đã được chuyển cho chính quyền cấp xã, dẫn đến khối lượng công việc của UBND cấp xã rất lớn. Việc quy định UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nhận được tạo áp lực lớn cho UBND cấp xã. Hơn nữa, số lượng thông tin do cơ quan nhà nước cấp trên tạo ra là rất nhiều, thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, do đó, nếu tiếp tục giao UBND cấp xã cung cấp thông tin do mình nhận được thì khó bảo đảm tính kịp thời, chính xác của thông tin.

+ Dự thảo Luật quy định UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã xác định đơn vị đầu mối cung cấp thông tin cho công dân (điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 10).

+ Dự thảo Luật quy định khái quát trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, như trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; rà soát, phân loại, kiểm tra, bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin... (Điều 11).

- Về phạm vi thông tin:

Dự thảo Luật sửa đổi các quy định về thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (Điều 15 và Điều 16) để bảo đảm cụ thể, đầy đủ, rõ ràng hơn và thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan. Việc tiếp cận thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc tiếp cận có điều kiện đối với tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

- Về thông tin phải được công khai:

Dự thảo Luật sửa đổi các thông tin phải được công khai (Điều 17) để mở rộng các thông tin công dân được tự do tiếp cận rộng rãi, đồng thời bảo đảm đồng bộ với các luật chuyên ngành trong các lĩnh vực (như y tế, giáo dục, văn hóa, an toàn thực phẩm, môi trường, tài chính, đất đai, xây dựng...), tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận các thông tin liên quan mật thiết đến đời sống, sản xuất, kinh doanh, lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng.

- Về hình thức, trình tự, thủ tục:

Dự thảo Luật sửa đổi các hình thức cung cấp thông tin theo hướng đa dạng

hóa, kết hợp linh hoạt giữa phương thức truyền thống và ứng dụng công nghệ số nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tiếp cận thông tin nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm thời gian, chi phí. Dự thảo Luật không quy định cụ thể trình tự, thủ tục (giao Chính phủ quy định chi tiết); đồng thời, rút ngắn các quy định về thời gian, thời hạn giải quyết thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu.

- Về các quy định khác:

+ Sửa đổi quy định về trách nhiệm giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin để bảo đảm đầy đủ, bao quát hơn (Điều 12).

+ Sửa đổi quy định về chi phí tiếp cận thông tin (Điều 25): Người yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm thanh toán trước cho cơ quan, đơn vị chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin.

b) Những nội dung bổ sung

- Về chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin:

Dự thảo Luật bổ sung chủ thể là *đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu*, bởi vì đây là chủ thể tạo ra những thông tin liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của người dân và phù hợp với quan điểm chỉ đạo “*Nhà nước chăm lo, bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công cho mọi tầng lớp nhân dân...*” tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Dự thảo Luật không mở rộng chủ thể đến các tổ chức khác có sử dụng ngân sách nhà nước, tài chính tài sản nhà nước, bởi vì các lý do sau: (1) *Đối với các tổ chức chính trị - xã hội; các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ:* Việc kiểm soát và minh bạch hóa hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hiện nay đã có hệ thống hành lang pháp lý riêng điều chỉnh. Về tài chính, việc sử dụng ngân sách, tài sản Nhà nước của các tổ chức này đều đã được quy định chặt chẽ tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công... (trong đó có quy định về công khai tài chính). Về hoạt động, các tổ chức này hoạt động theo điều lệ và pháp luật chuyên ngành (như Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn...). (2) *Đối với doanh nghiệp nhà nước:* Việc thực hiện công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp...

Hơn nữa, theo kinh nghiệm quốc tế, các quốc gia xác định phạm vi chủ thể dựa trên năng lực đáp ứng và đặc thù thể chế, chủ yếu tăng cường sự minh bạch của các cơ quan nhà nước (nhất là cơ quan hành pháp do nhiệm vụ thường xuyên tác động đến quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp). Ví dụ: ở Trung Quốc, chủ yếu là cơ quan hành chính nhà nước cung cấp thông tin và tập trung vào thông tin quản lý và dịch vụ công. Ở Nhật Bản, chủ thể chính là các cơ quan hành chính

và các tổ chức hành chính độc lập, không mở rộng sang các tổ chức chính trị hay đoàn thể xã hội tư nhân...

- Về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin, dự thảo Luật bổ sung các quy định:

+ Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ trong trường hợp việc cung cấp thông tin là cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng (khoản 3 Điều 10).

+ Đối với hồ sơ, tài liệu có chứa cả thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận và các phần thông tin có thể được phân tách hợp lý, các cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định cung cấp một phần hồ sơ, tài liệu chứa thông tin công dân được tiếp cận (khoản 4 Điều 10).

+ Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật liên quan (khoản 2 Điều 11).

- Về các quy định khác, dự thảo Luật bổ sung các quy định:

+ Nguyên tắc người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tăng cường cung cấp thông tin trên môi trường số (Điều 3).

+ Các hành vi bị nghiêm cấm tại khoản 5 và khoản 6 Điều 5.

+ Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin theo điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 của Luật này thì không phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin (khoản 2 Điều 25).

- Về quy định chuyển tiếp, dự thảo Luật quy định:

+ Việc cung cấp thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc nắm giữ trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy do cơ quan, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị đó thực hiện theo quy định của Luật này.

+ Việc cung cấp thông tin do đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu tạo ra hoặc nắm giữ trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

+ Thông tin tại khoản 1 Điều 17 của Luật này do cơ quan nhà nước tạo ra hoặc nắm giữ trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 và pháp luật có liên quan quy định phải công khai thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải công khai thông tin theo quy định của Luật này.

+ Yêu cầu cung cấp thông tin được gửi đến các cơ quan nhà nước trước

ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

c) Những nội dung được lược bỏ

Dự thảo Luật bỏ quy định về các cơ quan ở cấp huyện; bỏ quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 9. Để phù hợp với kỹ thuật lập pháp, dự thảo Luật lược bỏ các quy định quá chi tiết về trình tự, thủ tục cung cấp thông tin, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các cấp trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin (giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung này).

**3.2. Về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, có một thủ tục hành chính là *cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân*<sup>3</sup>. Các quy định của dự thảo Luật không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, chỉ mở rộng chủ thể có trách nhiệm thực hiện thủ tục này (đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu); đồng thời, mở rộng hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu (như qua cổng dữ liệu, Cổng dịch vụ công quốc gia, ứng dụng di động hoặc các nền tảng số khác do cơ quan có thẩm quyền công bố). Việc đa dạng các hình thức và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cung cấp thông tin giúp tạo thuận lợi cho người dân có nhiều lựa chọn hơn, bảo đảm việc cung cấp thông tin được nhanh chóng, kịp thời, có thể theo dõi dễ dàng thông qua dữ liệu, đồng bộ với quá trình thực hiện chuyển đổi số. Một số bước trong trình tự, thủ tục cung cấp thông tin được rút ngắn thời gian.

**3.3. Về phân quyền, phân cấp**

- Dự thảo Luật đã cơ bản xử lý các nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; đồng thời, dự thảo Luật không phát sinh khó khăn, vướng mắc cần áp dụng cơ chế đặc biệt theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm thực hiện cung cấp thông tin:

Về nguyên tắc, các cơ quan, đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin do mình tạo ra. Tuy nhiên, đối với một số cơ quan, do đặc thù về tổ chức và hoạt động nên không thể trực tiếp thực hiện việc cung cấp thông tin. Do đó, dự thảo Luật kế thừa các quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 về việc: Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra; Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chủ tịch nước tạo ra; Văn phòng Chính phủ

<sup>3</sup> Quyết định số 2750/QĐ-BTP ngày 09/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tiếp cận thông tin thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra...

Đối với đơn vị đầu mối của UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã, điểm e và điểm h khoản 2 Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định: Văn phòng UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh tạo ra; UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn thông tin do mình và do các cơ quan ở cấp mình tạo ra... Tuy nhiên, đến nay, cơ cấu tổ chức của UBND cấp xã đã thay đổi: UBND cấp xã được tổ chức các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác, nên có thể phân công đơn vị đầu mối thực hiện cung cấp thông tin. Hơn nữa, để bảo đảm nguyên tắc phân quyền, phân cấp và tính linh hoạt, chủ động trong quản lý, điều hành của UBND các cấp, dự thảo Luật không quy định cụ thể cơ quan đầu mối thực hiện cung cấp thông tin, mà quy định: (1) UBND cấp tỉnh xác định đơn vị đầu mối có trách nhiệm cung cấp thông tin do UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh tạo ra; (2) UBND cấp xã xác định đơn vị đầu mối có trách nhiệm cung cấp thông tin do HĐND, Thường trực HĐND, các cơ quan của HĐND, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác của cấp mình tạo ra (điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 10).

### ***3.4. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh***

Các quy định của dự thảo Luật bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Điều 15 và Điều 16 dự thảo Luật hoàn thiện các quy định hiện hành về việc xác định những thông tin công dân không được tiếp cận (bao gồm các thông tin thuộc bí mật nhà nước, thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng), thông tin được tiếp cận có điều kiện (việc tiếp cận thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân). Một số quy định của Luật được rà soát, hoàn thiện (như Điều 5 về hành vi bị nghiêm cấm) để bảo đảm nguyên tắc việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác.

### ***3.5. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên***

Các quy định của dự thảo Luật bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật.

### ***3.6. Việc bảo đảm bình đẳng giới và chính sách dân tộc***

- Dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc bình đẳng giới, tạo điều kiện thuận lợi để công dân (không phân biệt đối xử về giới), các đối tượng yếu thế trong xã hội thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Dự thảo Luật kế thừa nguyên tắc “*Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong*

việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin” (khoản 1 Điều 3); hành vi bị nghiêm cấm là cung cấp, sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới (khoản 3 Điều 5).

- Thực hiện khoản 4 Điều 5 Hiến pháp 2013 về “Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước”, dự thảo Luật quy định cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (khoản 1 Điều 3, khoản 1 và khoản 2 Điều 11, khoản 3 Điều 18). Hành vi bị nghiêm cấm là cung cấp, sử dụng thông tin để kỳ thị, chia rẽ dân tộc (khoản 2 Điều 5).

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT; THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA LUẬT**

### **1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Luật**

- Về nhân lực: Các cơ quan, đơn vị phân công, bố trí đơn vị/bộ phận đầu mối cung cấp thông tin (phân công cán bộ kiêm nhiệm, do đó, không làm phát sinh biên chế, tăng nấc trung gian); xây dựng quy chế để xác định rõ quy trình nội bộ, trách nhiệm phối hợp giữa đơn vị/bộ phận chủ trì tạo ra thông tin và đơn vị/bộ phận đầu mối cung cấp thông tin; bố trí, sử dụng nhân lực quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu, cổng/trang thông tin điện tử... để phục vụ cho công tác công khai thông tin hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu, bảo đảm tiết kiệm nhân lực, chi phí, thời gian, nhất là trong bối cảnh đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Về kinh phí, điều kiện bảo đảm: Các cơ quan, đơn vị bố trí kinh phí cho việc nâng cấp, quản lý cổng/trang thông tin điện tử; số hóa tài liệu; xây dựng cổng dữ liệu, liên thông, kết nối các cơ sở dữ liệu; xây dựng; bố trí trang thiết bị phục vụ tiếp cận thông tin (trong đó có trang thiết bị hỗ trợ cung cấp thông tin cho người khuyết tật; người dân tộc thiểu số...); nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình cung cấp thông tin; bố trí kinh phí bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc cung cấp thông tin. Việc bố trí, sử dụng kinh phí cho các hoạt động này được kết hợp với quá trình triển khai thực hiện các quy định pháp luật có liên quan (pháp luật về dữ liệu; lưu trữ; ứng dụng công nghệ thông tin; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo...).

- Về tổ chức triển khai thi hành Luật: Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật. Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật. Các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật; tổ chức tập huấn cho cán bộ đầu mối cung cấp thông tin...

### **2. Thời gian trình thông qua**

Theo Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI (tháng 4/2026).

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi), Chính phủ xin kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm hồ sơ dự án Luật bao gồm: (1) Dự thảo Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi); (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi); (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc trong dự án Luật; (5) Bản so sánh dự thảo Luật với Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi); (7) Báo cáo thẩm định hồ sơ dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi); (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định hồ sơ dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi); (9) Báo cáo thẩm tra dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi)).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg;
- Lưu: VT, Vụ PL (3).

27

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**TU. THỦ TƯỚNG**  
**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**



*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Hải Ninh**